

1



LAMP (n)
/læmp/
Cái đèn

Can you turn on the **lamp**?
Bạn có thể bật đèn được không?

2



LEMON (n)
/leman/
Quả chanh

Lemons are yellow.

3



LI



LION (n)
/laian/
Con sư tử

Lions are scary.

4



LI



LOUD (adj)
/laod/
Ồn ào

He is so **loud**.

5



LI



LADDER (n)
/lædə[r]/
Cái thang

The **ladder** is behind the house.

6



LI



LAUGH (v)
/la:ʃ/
Cười, vui cười

They **laugh** at her joke.

LIVEWORKSHEETS